

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **84** /STP-HCTP
V/v triển khai thực hiện
Thông tư liên tịch số
18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCTP
của Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính -
Thanh tra Chính phủ

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Kính gửi:

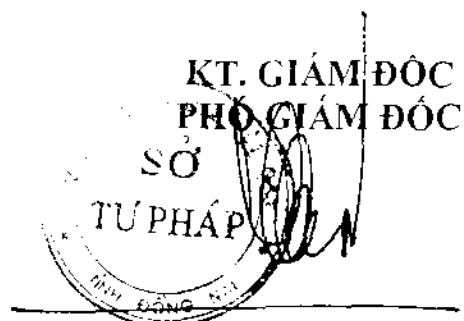
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

Sở Tư pháp nhận được Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCTP ngày 14/12/2015 của liên Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính - Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính.

Sở Tư pháp đề nghị quý cơ quan truy cập vào Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp theo địa chỉ: <http://stp.dongnai.gov.vn> mục văn bản pháp quy; để nghiên cứu, triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị quý cơ quan kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp xin ý kiến chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, HCTP.



Huỳnh Minh Thiện

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30 /UBND-NC

Đồng Nai, ngày 06 tháng 01 năm 2016

V/v thực hiện Thông tư liên tịch số
18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCT
ngày 14/12/2015 của Bộ Tư pháp,
Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ.

30
16/01

Kính gửi:

- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Thanh tra tỉnh.

UBND tỉnh nhận được Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCT ngày 14/12/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ về hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính (photo gửi kèm). Về việc này, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao trách nhiệm Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCT ngày 14/12/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo, đề xuất ý kiến giải quyết về UBND tỉnh để báo cáo Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ xin ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh (NC);
- Lưu: VT, NC, KT (Mai).

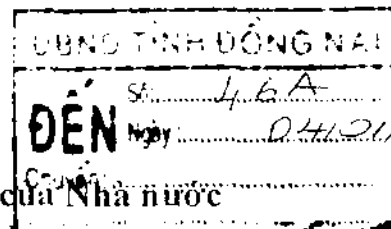
**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Minh Đức

Số: 18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2015



THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước
trong hoạt động quản lý hành chính

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 35/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính.

Chương I

**XÁC ĐỊNH TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH**

Điều 1. Thời điểm xác định quyền yêu cầu bồi thường

Người bị thiệt hại có quyền yêu cầu cơ quan có trách nhiệm bồi thường thực hiện việc giải quyết bồi thường kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản xác định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật.

Điều 2. Thời gian không tính vào thời hiệu yêu cầu bồi thường

Thời gian không tính vào thời hiệu yêu cầu bồi thường quy định tại khoản

1 Điều 5 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sau đây gọi tắt là Luật) là những khoảng thời gian xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1. Sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự làm cho người bị thiệt hại không thể yêu cầu bồi thường trong phạm vi thời hiệu;

2. Người bị thiệt hại là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự mà chưa có người đại diện theo quy định của pháp luật;

3. Người bị thiệt hại là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự đã có người đại diện nhưng người đại diện đã chết hoặc theo quy định của pháp luật họ không thể tiếp tục là người đại diện cho người bị thiệt hại.

Điều 3. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật

Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật là các văn bản đã có hiệu lực pháp luật sau đây:

1. Quyết định thu hồi, hủy bỏ, thay thế, sửa đổi quyết định hành chính do quyết định đó được ban hành trái pháp luật;

2. Quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại;

3. Kết luận nội dung tố cáo của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố cáo;

4. Kết luận thanh tra giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về thanh tra;

5. Bản án, quyết định của Tòa án về giải quyết vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật;

6. Bản án, quyết định của Tòa án về việc giải quyết vụ án dân sự đã có hiệu lực pháp luật tuyên hủy quyết định hành chính;

7. Bản án, quyết định của Tòa án về việc giải quyết vụ án hình sự xác định người thi hành công vụ có hành vi phạm tội trong khi thi hành công vụ mà tại Bản án, quyết định đó chưa xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của người thi hành công vụ gây ra trong khi thi hành công vụ.

Điều 4. Căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính

1. Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính chỉ phát sinh khi có đủ các căn cứ sau đây:

a) Có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật;

b) Hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường quy định tại Điều 13 của Luật;

c) Có thiệt hại thực tế xảy ra;

d) Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế xảy ra và hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ.

2. Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong trường hợp người bị thiệt hại có lỗi trong việc để xảy ra thiệt hại được xác định như sau:

a) Nhà nước không bồi thường đối với thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại;

b) Trường hợp người bị thiệt hại cũng có một phần lỗi trong việc gây ra thiệt hại thì Nhà nước chỉ bồi thường phần thiệt hại sau khi trừ đi phần thiệt hại tương ứng với phần lỗi của người bị thiệt hại gây ra. Việc xác định thiệt hại được bồi thường sau khi trừ đi phần thiệt hại do lỗi của người bị thiệt hại gây ra được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 5. Xác định phạm vi trách nhiệm bồi thường

1. Việc xác định phạm vi trách nhiệm bồi thường trong một số trường hợp cụ thể được thực hiện như sau:

a) Áp dụng các biện pháp được quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 13 của Luật là việc người thi hành công vụ có hành vi trái pháp luật và gây ra thiệt hại khi ra quyết định áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp đó;

b) Nhà nước có trách nhiệm bồi thường đối với thiệt hại gây ra cho người bị thiệt hại trong trường hợp người bị thiệt hại là công chức giữ chức vụ từ Tổng cục trưởng hoặc tương đương trở xuống bị xử lý kỷ luật với hình thức buộc thôi việc;

c) Các trường hợp được bồi thường khác do pháp luật quy định tại khoản 12 Điều 13 của Luật là các trường hợp được bồi thường khác được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật và văn bản đó có hiệu lực sau ngày 01 tháng 01 năm 2010.

2. Giấy tờ có giá trị như giấy phép quy định tại khoản 5 và khoản 11 Điều 13 của Luật bao gồm: văn bản xác nhận, chấp thuận, phê duyệt; chứng chỉ hành nghề; giấy chứng nhận và các loại giấy tờ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cơ quan có trách nhiệm bồi thường

1. Trường hợp người thi hành công vụ gây ra thiệt hại là người do các cơ quan có tư cách pháp nhân trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý được quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/03/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sau đây gọi tắt là

Nghị định số 16/2010/NĐ-CP) thì cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ là cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

2. Cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người vào trường giáo dưỡng, đưa người vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đưa người vào cơ sở chữa bệnh không đúng quy định của pháp luật được xác định theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 và Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Chương II

THIỆT HẠI ĐƯỢC BỒI THƯỜNG

Điều 7. Thiệt hại thực tế

1. Thiệt hại thực tế là thiệt hại có thực mà người bị thiệt hại phải chịu do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra theo quy định từ Điều 45 đến Điều 49 của Luật và pháp luật có liên quan.

2. Thiệt hại thực tế quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm cả chi phí thực tế người bị thiệt hại đã bỏ ra trong quá trình khiếu nại, tố cáo, tham gia tố tụng để có được văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ như: chi phí tàu xe, đi lại, ăn ở, in ấn tài liệu, gửi đơn thư trong quá trình khiếu nại, tố cáo, tham gia tố tụng.

Chi phí tàu xe, đi lại, ăn ở, in ấn tài liệu được áp dụng theo quy định của của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Thời điểm giải quyết bồi thường quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật là thời điểm người bị thiệt hại ký vào biên bản thương lượng lần cuối cùng khi thương lượng việc giải quyết bồi thường. Trường hợp người bị thiệt hại không ký vào biên bản thương lượng thì thời điểm giải quyết bồi thường được tính từ khi những người tham gia thương lượng khác ký vào biên bản quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư liên tịch này.

Điều 8. Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm

1. Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm được xác định theo Điều 45 của Luật. Trong trường hợp tài sản bị xâm phạm là quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất thì thiệt hại được bồi thường được xác định theo quy định tại Điều 45 của Luật và các quy định của pháp luật có liên quan.

Thời điểm để xác định hiện trạng tài sản làm căn cứ tính toán mức bồi thường là thời điểm thiệt hại xảy ra.

2. Thời gian tính lãi đối với các khoản tiền quy định tại khoản 4 Điều 45 của Luật được tính từ ngày tiền được nộp vào ngân sách nhà nước; bị tịch thu; thì hành án cho đến ngày ban hành quyết định giải quyết bồi thường của cơ quan có trách nhiệm bồi thường hoặc cho đến ngày có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

3. Các khoản tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 45 của Luật bao gồm các khoản tiền mà người bị thiệt hại đã nộp vào ngân sách nhà nước hoặc các khoản tiền sẽ phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Điều 9. Thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút

1. Thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của tổ chức

Thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của tổ chức quy định tại Điều 46 của Luật được xác định trên cơ sở thu nhập trung bình của hai năm liền kề trước thời điểm xảy ra thiệt hại. Thu nhập của tổ chức được xác định theo báo cáo tài chính hợp pháp của tổ chức; trường hợp không có báo cáo tài chính, tổ chức có thể chứng minh thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút bằng các tài liệu, chứng cứ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp tổ chức được thành lập chưa đủ hai năm tính đến thời điểm xảy ra thiệt hại thì thu nhập thực tế của tổ chức được xác định trên cơ sở thu nhập bình quân trong thời gian hoạt động thực tế của tổ chức đó.

2. Thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của cá nhân

Trường hợp trước khi xảy ra thiệt hại mà người bị thiệt hại có thu nhập ổn định từ tiền lương trong biên chế, tiền công từ hợp đồng lao động thì căn cứ vào mức lương, tiền công của tháng liền kề của người đó trước khi xảy ra thiệt hại để xác định khoản thu nhập thực tế.

Trường hợp trước khi xảy ra thiệt hại mà người bị thiệt hại có việc làm và hàng tháng có thu nhập nhưng không ổn định thì lấy mức thu nhập trung bình của ba tháng liền kề trước thời điểm thiệt hại xảy ra làm căn cứ để xác định khoản thu nhập thực tế.

Trường hợp trước khi xảy ra thiệt hại mà người bị thiệt hại là nông dân, ngư dân, người làm muối, người trồng rừng, người làm thuê, người buôn bán nhỏ, thợ thủ công, lao động khác có thu nhập nhưng theo mùa vụ hoặc không ổn định thì lấy mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương; nếu không xác định được thu nhập trung bình thì lấy mức lương cơ sở do Nhà nước quy định áp dụng cho công chức làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước tại thời điểm giải quyết bồi thường làm căn cứ để xác định khoản thu nhập thực tế.

Trường hợp trước khi xảy ra thiệt hại mà người bị thiệt hại đang nghỉ không hưởng lương và các chế độ khác theo quy định của pháp luật thì người bị thiệt hại không được bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút liên quan đến lương và các chế độ đó.

Điều 10. Thiệt hại do tổn thất về tinh thần

1. Thiệt hại do tổn thất về tinh thần trong thời gian bị tạm giữ hành chính, bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật được xác định như sau:

a) Một ngày lương cơ sở được xác định bằng việc lấy mức lương cơ sở do Nhà nước quy định áp dụng cho công chức làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước tại thời điểm giải quyết bồi thường chia cho 22 là số ngày làm việc bình quân của mỗi tháng.

Ví dụ: Tại thời điểm ban hành Thông tư liên tịch này thì mức lương cơ sở chung do Nhà nước quy định là 1.150.000 đồng, do đó một ngày lương cơ sở sẽ là: $1.150.000 \text{ đồng} : 22 = 52.273 \text{ đồng}$.

b) Số ngày bị tạm giữ hành chính, bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh được xác định theo số ngày thực tế mà người được bồi thường bị tạm giữ hành chính, bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh.

Ví dụ: Ông A bị đưa vào cơ sở chữa bệnh từ ngày 01/12/2010 và đến ngày 01/3/2011 thì được ra khỏi cơ sở chữa bệnh. Ngày 20/3/2011, cơ quan có thẩm quyền xác định ông A không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh. Trong trường hợp này, thiệt hại do tổn thất về tinh thần mà ông A được bồi thường được xác định như sau:

Số ngày thực tế bị đưa vào cơ sở chữa bệnh là: 31 ngày của tháng 12/2010 + 31 ngày của tháng 01/2011 + 28 ngày của tháng 02/2011 = 90 ngày.

Số ngày lương tính theo mức lương cơ sở được bồi thường là:

$90 \text{ ngày} \times 2 = 180 \text{ ngày}$.

Trong ví dụ này, số tiền mà ông A được Nhà nước bồi thường là:

$180 \text{ ngày} \times 52.273 \text{ đồng} = 9.409.140 \text{ đồng}$.

2. Thiệt hại do tổn thất về tinh thần trong trường hợp người bị thiệt hại chết quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật được xác định như sau:

a) Nếu người bị thiệt hại chết trong thời gian bị tạm giữ hành chính, bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh mà không phải do lỗi của họ hoặc không do sự kiện bất khả kháng, tình thế cấp thiết thì thân nhân của họ được bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần một khoản tiền là ba trăm sáu mươi tháng lương tính theo mức lương cơ sở chung do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường.

b) Nếu người bị tạm giữ hành chính, bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh chết trong thời gian bị tạm giữ hành chính, bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh mà do lỗi của họ hoặc do sự kiện bất khả kháng, tình thế cấp thiết thì thân nhân của họ không được bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật.

c) Khoản tiền bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần là khoản tiền bồi thường chung cho thân nhân của người bị thiệt hại (vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người bị thiệt hại, người trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại). Những người được bồi thường trong trường hợp này phải còn sống tại thời điểm người bị thiệt hại chết.

Điều 11. Thiệt hại về vật chất do người bị thiệt hại chết

1. Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc người bị thiệt hại trước khi chết quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật là chi phí thực tế cần thiết, phù hợp với tính chất, mức độ của thiệt hại, phù hợp với giá trung bình ở từng địa phương tại thời điểm chi, bao gồm: tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đi cấp cứu tại cơ sở y tế; tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế; chi phí chiếu, chụp X quang, chụp cắt lớp, siêu âm, xét nghiệm, mổ, truyền máu theo chỉ định của bác sỹ; tiền viện phí; tiền tiếp đạm, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho người bị thiệt hại theo chỉ định của bác sỹ; các chi phí thực tế, cần thiết khác trước khi người bị thiệt hại chết (nếu có).

2. Chi phí cho việc mai táng người bị thiệt hại chết quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật được xác định theo mức trợ cấp mai táng theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội. Trường hợp người bị thiệt hại chết mà người thân thích của họ phải thuê xe để chở thi hài về mai táng thì được bồi thường cả chi phí thuê xe.

3. Chi bồi thường khoản tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại khoản 3 Điều 48 của Luật nếu trước khi bị tạm giữ hành chính, bị đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh mà người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng trong thời gian tạm giữ hành chính, bị đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh bị chết. Những người đang được người bị thiệt hại cấp dưỡng được bồi thường khoản tiền cấp dưỡng đó.

Điều 12. Thiệt hại về vật chất do bị tổn hại về sức khỏe

1. Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật bao gồm: các chi phí được hướng dẫn tại khoản 1 Điều 11 Thông tư liên tịch này và các chi phí cho việc lắp chân giả, tay giả, mắt giả, mua xe lăn, xe đẩy, nạng chống và khắc phục thẩm mỹ và các chi phí khác để hỗ trợ hoặc thay thế một phần chức năng của cơ thể bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại (nếu có).

Nếu cơ quan nhà nước đã thanh toán toàn bộ các chi phí này thì người bị thiệt hại không được bồi thường; trường hợp cơ quan nhà nước đã thanh toán một phần các chi phí này thì người bị thiệt hại được bồi thường phần chi phí còn lại.

2. Bồi thường chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại theo quy định tại khoản 3 Điều 49 của Luật.

a) Người bị thiệt hại chỉ được bồi thường chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại nếu việc chăm sóc đó là cần thiết hoặc do cơ sở y tế yêu cầu.

b) Các chi phí hợp lý của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị bao gồm tiền tàu, xe đi lại, tiền thuê nhà trọ theo quy định của Bộ

Tài chính về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị được xác định theo quy định tại Điều 46 của Luật và theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

3. Người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần có người thường xuyên chăm sóc là người không còn khả năng thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc người bị thiệt hại mất khả năng lao động quy định tại khoản 4 Điều 49 của Luật được tính bằng mức tiền công trung bình trả cho người chăm sóc người tàn tật ở địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú.

Chương III

THỦ TỤC GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG TẠI CƠ QUAN CÓ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG

Điều 13. Hồ sơ yêu cầu bồi thường và gửi đơn yêu cầu bồi thường

1. Người bị thiệt hại có thể gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường đến cơ quan có trách nhiệm bồi thường bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Trực tiếp gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường;

b) Gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường đến cơ quan có trách nhiệm bồi thường thông qua đường bưu điện.

2. Người bị thiệt hại gửi 01 bộ hồ sơ yêu cầu bồi thường bao gồm:

a) Đơn yêu cầu bồi thường theo Mẫu 01a và 01b ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

b) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ;

c) Giấy ủy quyền yêu cầu bồi thường hợp pháp, trong trường hợp người yêu cầu bồi thường là người đại diện theo ủy quyền của người bị thiệt hại;

d) Tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có).

Trường hợp người bị thiệt hại trực tiếp gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường thì gửi bản photocopy văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ và bản photocopy giấy ủy quyền, đồng thời mang theo bản chính để đối chiếu.

Trường hợp người bị thiệt hại gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường đến cơ quan có trách nhiệm bồi thường thông qua đường bưu điện thì gửi bản sao có chứng thực văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ và bản sao có chứng thực giấy ủy quyền.

3. Trường hợp người bị thiệt hại chết mà người thừa kế của người bị thiệt hại gửi đơn yêu cầu bồi thường, thì ngoài các tài liệu quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này, hồ sơ yêu cầu bồi thường còn phải có các tài liệu sau đây:

a) Di chúc của người bị thiệt hại hoặc văn bản hợp pháp khác chứng minh quyền thừa kế của người yêu cầu bồi thường;

b) Văn bản ủy quyền hợp pháp về việc cử một người trong những người thừa kế hoặc cử người khác không phải là người thừa kế làm người đại diện cho những người thừa kế của người bị thiệt hại thực hiện quyền yêu cầu bồi thường, trong trường hợp người bị thiệt hại có nhiều người thừa kế;

c) Chứng minh thư nhân dân và các loại giấy tờ chứng minh quan hệ của họ đối với người bị thiệt hại như: hộ khẩu, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, giấy khai sinh của người yêu cầu bồi thường... hoặc xác nhận của chính quyền địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người bị thiệt hại làm việc xác nhận người bị thiệt hại là thân nhân của người yêu cầu bồi thường.

Trường hợp người bị thiệt hại trực tiếp gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường thì gửi bản photocopy các giấy tờ quy định tại điểm a, b và c khoản này đồng thời mang theo bản chính để đối chiếu.

Trường hợp người bị thiệt hại gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường đến cơ quan có trách nhiệm bồi thường thông qua đường bưu điện thì gửi bản sao có chứng thực các giấy tờ quy định tại điểm a, b và c khoản này.

Điều 14. Thụ lý đơn yêu cầu bồi thường

1. Khi nhận hồ sơ yêu cầu bồi thường, cơ quan có trách nhiệm bồi thường phải kiểm tra và xác định tính hợp lệ của đơn và các giấy tờ, tài liệu kèm theo; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người yêu cầu bồi thường bổ sung.

Đối với những văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ đã được ban hành mà người yêu cầu bồi thường không có khả năng cung cấp thì nếu người bị thiệt hại có yêu cầu, cơ quan có trách nhiệm bồi thường có trách nhiệm thu thập những văn bản đó.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn và các giấy tờ hợp lệ, nếu xác định yêu cầu bồi thường thuộc trách nhiệm giải quyết của mình thì cơ quan đã nhận hồ sơ phải thụ lý và thông báo bằng văn bản về việc thụ lý đơn cho người yêu cầu bồi thường; trường hợp cơ quan nhận đơn cho rằng vụ việc không thuộc trách nhiệm giải quyết của mình thì phải trả lại hồ sơ và hướng dẫn người yêu cầu bồi thường gửi đơn đến cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường để được xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường theo quy định tại Chương IV của Nghị định số 16/2010/NĐ-CP.

3. Sau khi đơn yêu cầu bồi thường được thụ lý, người bị thiệt hại phải cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu bồi thường của mình kể từ ngày đơn yêu cầu bồi thường được thụ lý cho đến khi kết thúc việc xác minh thiệt hại.

Điều 15. Xác minh thiệt hại

1. Trường hợp cá nhân có thu nhập là lương thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường có trách nhiệm xác minh thiệt hại dựa trên bảng lương.

2. Trường hợp tổ chức có thu nhập thì việc xác định thu thập của tổ chức được dựa trên báo cáo tài chính hợp pháp của tổ chức đó.

3. Đối với thiệt hại là tiền thuê nhà thì việc xác minh thiệt hại phải dựa trên cơ sở các loại giấy tờ sau đây:

a) Giấy tờ đăng ký tạm trú hoặc xác nhận của công an xã, phường, thị trấn về việc tạm trú tại địa điểm thuê nhà;

b) Hợp đồng thuê nhà được lập dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật về thuê tài sản hoặc có xác nhận của chủ sở hữu nhà ở về việc thuê nhà.

4. Trường hợp thiệt hại là chi phí in ấn tài liệu, gửi đơn thư trong quá trình khiếu nại, tố cáo, tham gia tố tụng để có được văn bản xác định hành vi trái pháp luật thì việc xác minh thiệt hại phải trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ về việc in tài liệu hoặc biên lai gửi qua đường bưu điện.

5. Trong trường hợp sau khi thụ lý đơn yêu cầu bồi thường, người bị thiệt hại mới cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu bồi thường của mình, thì người bị thiệt hại không có quyền yêu cầu bồi thường khoản tiền lãi phát sinh tính trên số tiền bồi thường thiệt hại thực tế và các khoản thiệt hại khác phát sinh trong thời gian cung cấp các tài liệu, chứng cứ đó.

Trường hợp người yêu cầu bồi thường không thể tự mình thu thập được thì có thể làm văn bản yêu cầu cơ quan có trách nhiệm bồi thường tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ nhằm bảo đảm cho việc giải quyết bồi thường đúng pháp luật.

Điều 16. Thương lượng việc bồi thường

1. Việc thương lượng để xác định thiệt hại được bồi thường và mức bồi thường được thực hiện trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do người bị thiệt hại cung cấp và tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình xác minh thiệt hại của cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

2. Trường hợp hết thời hạn thương lượng mà người bị thiệt hại không ký vào biên bản thương lượng thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường phải lập biên bản có chữ ký của những người tham gia thương lượng khác về việc người bị thiệt hại cố ý không ký văn bản. Biên bản này là cơ sở để cơ quan có trách nhiệm bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường.

3. Biên bản thương lượng thực hiện theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Điều 17. Ban hành quyết định giải quyết bồi thường

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thương lượng, người đại diện phải hoàn thành dự thảo quyết định giải quyết bồi thường để báo cáo Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

Căn cứ vào kết quả xác minh thiệt hại, thương lượng với người bị thiệt hại và ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có), Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm bồi thường ban hành quyết định giải quyết bồi thường.

Điều 18. Ngày hết thời hạn ra quyết định giải quyết bồi thường

Ngày hết thời hạn ra quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại Điều 20 của Luật được xác định là ngày thứ 11, kể từ ngày người đại diện thực hiện việc giải quyết bồi thường và người bị thiệt hại ký biên bản thương lượng, hoặc, kể từ ngày lập biên bản về việc người bị thiệt hại cố ý không ký biên bản thương lượng.

Điều 19. Chi trả tiền bồi thường

Căn cứ vào quyết định giải quyết bồi thường đã có hiệu lực của cơ quan có trách nhiệm bồi thường hoặc bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, cơ quan có trách nhiệm bồi thường thực hiện việc chi trả tiền bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định tại Chương VI của Luật và hướng dẫn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 01 năm 2016.
2. Thông tư liên tịch này thay thế Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTCT ngày 26/11/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính và Thông tư liên tịch số 08/2013/TTLT-BTP-BTC-TTCT ngày 27/02/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTCT ngày 26/11/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

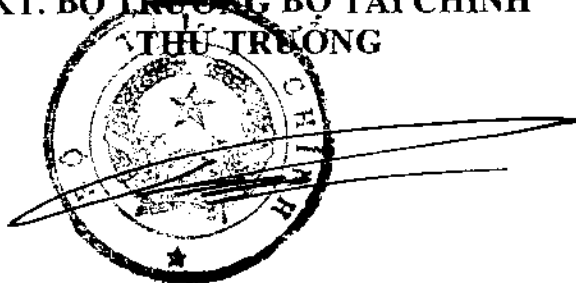
1. Trường hợp người bị thiệt hại đã yêu cầu bồi thường trước thời điểm Thông tư liên tịch này có hiệu lực pháp luật và yêu cầu bồi thường của họ đã được thụ lý thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường tiếp tục áp dụng Thông tư liên tịch số 19/2010/TTLT-BTP-BTC-TTCT ngày 26/11/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính để giải quyết bồi thường;

2. Trường hợp người bị thiệt hại đã yêu cầu bồi thường trước thời điểm Thông tư liên tịch này có hiệu lực pháp luật nhưng yêu cầu bồi thường của họ chưa được thụ lý thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường áp dụng Thông tư liên tịch này để giải quyết bồi thường.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

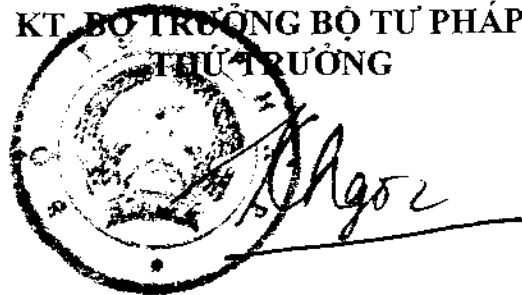
Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. *B*

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG**



Trương Chí Trung

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Khánh Ngọc

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Nguyễn Văn Thanh

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tổ chức pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ;
- Công báo Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT BTP, VT BTC, VT TTCP.

Mẫu số 01a (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT/BTP-BTC-TTCP ngày 14/12/2015 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG

(đối với cá nhân bị thiệt hại)

Kính gửi:.....(*Tên cơ quan có trách nhiệm bồi thường*)

Tên tôi là:.....

Địa chỉ:.....

Căn cứ (nêu tên văn bản quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP ngày 14/12/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ), tôi đề nghị Quý cơ quan xem xét, giải quyết bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, bao gồm các khoản sau:

1. Yêu cầu thu thập văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ

(Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ nhưng người bị thiệt hại không có khả năng cung cấp văn bản đó).

2. Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (nếu có)

Tên tài sản:.....

Đặc điểm của tài sản (hình dáng, màu sắc, kích thước, công dụng, năm sản xuất, xuất xứ tài sản, nơi mua tài sản...):.....

.....

Tình trạng tài sản (*bị phát mại, bị mất, bị hư hỏng*):.....

Giá trị tài sản khi mua:.....

Giá trị tài sản khi bị xâm phạm:.....

Thiệt hại do việc không sử dụng, khai thác tài sản (nếu có):.....

(Kèm theo tài liệu chứng minh về tài sản nêu trên nếu có)

Mức yêu cầu bồi thường:.....

3. Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút (nếu có)

.....

.....

(Kèm theo tài liệu chứng minh thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giam giữ)

4. Thiệt hại do tổn thất về tinh thần (nếu có)

a) Trường hợp bị tạm giữ, bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh

Số ngày bị tạm giữ / bị đưa vào trường giáo dưỡng / cơ sở giáo dục / cơ sở chữa bệnh (từ ngày đến ngày.....): ngày.

Số tiền yêu cầu bồi thường:.....

b) Trường hợp sức khỏe bị xâm phạm

Mức độ sức khỏe bị tổn hại:.....

Số tiền yêu cầu bồi thường:.....

5. Thiệt hại về vật chất do bị tổn hại về sức khỏe (nếu có)

a) Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút, bao gồm:.....

(Kèm theo hồ sơ bệnh án, hóa đơn, chứng từ, xác nhận liên quan đến các chi phí trên).

b) Chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị (nếu có):.....

(Kèm theo giấy tờ chứng minh những khoản tiền trên)

c) Trường hợp người bị thiệt hại mất khả năng lao động

- Chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc người bị thiệt hại (nếu có):.....

- Khoản tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (nếu có):

(Kèm theo giấy tờ chứng minh những khoản tiền trên)

6. Tổng cộng số tiền đề nghị bồi thường

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét, giải quyết bồi thường cho Tôi về những thiệt hại trên theo quy định của pháp luật./.

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người yêu cầu bồi thường

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01b (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP ngày 14/12/2015 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI
(đối với trường hợp người bị thiệt hại chết)

Kính gửi:.....(*Tên cơ quan có trách nhiệm bồi thường*)

Tên tôi là:.....

Địa chỉ:.....

Là: (*Ghi rõ quan hệ với người bị thiệt hại là: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, người trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại, người được người bị thiệt hại trực tiếp nuôi dưỡng*).

Được sự ủy quyền của những người sau (nếu có):

.....

Căn cứ (nêu tên văn bản quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP ngày 14/12/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ), tôi đề nghị Quý cơ quan xem xét, giải quyết bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, bao gồm các khoản sau:

1. Yêu cầu thu thập văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ

(Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ nhưng người bị thiệt hại không có khả năng cung cấp văn bản đó).

2. Thiệt hại do tổn thất về tinh thần.....

.....

3. Chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc người bị thiệt hại trước khi chết (nếu có)

.....

(*Kèm theo hồ sơ bệnh án, hóa đơn, chứng từ, xác nhận liên quan đến các chi phí trên*)

4. Khoản tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (nếu có).....

(Kèm theo giấy tờ chứng minh những khoản tiền cấp dưỡng trên)

5. Chi phí mai táng.....

(Kèm theo giấy chứng từ)

6. Tổng cộng số tiền đề nghị bồi thường

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét, giải quyết bồi thường thiệt hại cho Tôi theo quy định của pháp luật./.

Xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn

*(Về mối quan hệ giữa người yêu cầu bồi thường
và người bị thiệt hại đã chết)
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người yêu cầu bồi thường

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01c (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT/BTP-BTC-TTCT ngày 14/12/2015 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG
(đối với tổ chức bị thiệt hại)

Kính gửi:.....(*Tên cơ quan có trách nhiệm bồi thường*)

Tên tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Căn cứ (nêu tên văn bản quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCT ngày 14/12/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ), tôi đề nghị Quý cơ quan xem xét, giải quyết bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, bao gồm các khoản sau:

1. Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (nếu có)

Tên tài sản:.....

Đặc điểm của tài sản (hình dáng, màu sắc, kích thước, công dụng, năm sản xuất, xuất xứ tài sản, nơi mua tài sản...):

Tình trạng tài sản (*bị phát mại, bị mất, bị hư hỏng*):.....

Giá trị tài sản khi mua:.....

Giá trị tài sản khi bị xâm phạm:.....

Thiệt hại do việc không sử dụng, khai thác tài sản (nếu có):

(*Kèm theo tài liệu chứng minh về tài sản nêu trên nếu có*)

Mức yêu cầu bồi thường:.....

2. Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút (nếu có)

(*Kèm theo tài liệu chứng minh thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút*)

3. Tổng cộng số tiền đề nghị bồi thường.....

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét, giải quyết bồi thường về những thiệt hại trên theo quy định của pháp luật./.

..... ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng cơ quan/đơn vị
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02 (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 18/2015/TILT-BTP-BTC-TTCT ngày 14/12/2015 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THƯƠNG LƯỢNG
VIỆC BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

Hôm nay, ngày tháng năm, tại, chúng tôi gồm:

Cơ quan có trách nhiệm bồi thường

Do ông (bà)..... Chức vụ:..... làm đại diện

Người yêu cầu bồi thường

(Trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân)

Ông (bà):.....

Địa chỉ:

Là đại diện của ông, bà:.....(trong trường hợp người bị thiệt hại có người đại diện thực hiện quyền yêu cầu bồi thường).

(Trường hợp người bị thiệt hại là tổ chức)

Ông (bà):.....

Địa chỉ:

Là đại diện của tổ chức:.....

Có sự tham gia của ông (bà)..... là người thi hành công vụ gây ra thiệt hại (nếu có),

Đã cùng nhau tiến hành thương lượng về việc bồi thường thiệt hại của Nhà nước theo đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông (bà):

1. Ý kiến của người yêu cầu bồi thường.....

.....

.....

2. Ý kiến của người thi hành công vụ gây ra thiệt hại (nếu có).....

.....

.....

3. Ý kiến của đại diện cơ quan có trách nhiệm bồi thường.....

.....

.....

4. Những nội dung thương lượng thành
.....
.....

5. Những nội dung thương lượng không thành.....
.....
.....

Biên bản đã được đọc cho mọi người tham gia thương lượng cùng nghe và cùng ký tên dưới đây.

Người yêu cầu bồi thường
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
Đại diện Cơ quan có trách nhiệm bồi thường
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03 (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT/BTP-BTC-TTCP ngày 14/12/2015 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

(V/v giải quyết bồi thường đối với.....)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/TTLT-BTP-BTC-TTCP ngày 14/12/2015 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ (tên văn bản xác định hành vi trái pháp luật);

Căn cứ kết quả xác minh thiệt hại và biên bản thương lượng việc giải quyết bồi thường ngày tháng năm giữa cơ quan với ông (bà).....,

Căn cứ kết quả xác minh thiệt hại và biên bản về việc người bị thiệt hại không ký vào biên bản thương lượng ngày tháng năm (Trong trường hợp người bị thiệt hại không ký vào biên bản thương lượng khi kết thúc thời hạn thương lượng),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường thiệt hại cho ông (bà).....

Địa chỉ:.....

Số tiền là:

(bằng chữ:.....)

Với lý do:.....

.....

.....

Điều 2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết bồi thường, người bị thiệt hại có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày người bị thiệt hại nhận được quyết định, trừ trường hợp người bị thiệt hại không đồng ý và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường.

Điều 4. Ông (bà).....và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cơ quan cấp trên trực tiếp (để báo cáo);
- Cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường (để báo cáo);
- Ông (bà).....(để thực hiện);
- Lưu.....

Thủ trưởng Cơ quan

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)